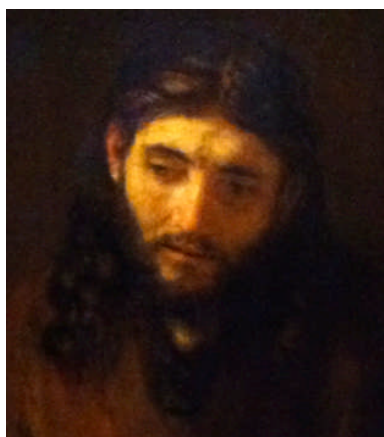


Đặc sủng yêu mến Đức Ki-tô trên hết

Gặp gỡ Đức Ki-tô tại Philadelphia

Nhà trực thuộc đan viện Casamari tại New Jersey rất gần Philadelphia. Từ lâu, cái tên của thành phố này đã gọi lên trong tôi ước muốn được chiêm ngưỡng bức “Chân dung Đức Ki-tô” của danh họa Rembrandt đang được lưu giữ tại “Bảo Tàng Nghệ Thuật”. Các đan sĩ và các thân hữu của họ đã sắp xếp cho tôi một chuyến viếng thăm bảo tàng này. Càng đến gần bảo tàng viện, tôi càng thêm mong muốn được ngắm bức tranh trong đó dung mạo Đức Ki-tô được họa theo cùng một dung mạo và cùng một kích thước với dung mạo của một thanh niên Do Thái mà danh họa Rembrandt đã gặp ở khu phố của người Do Thái tại Amsterdam. Và tôi không hiểu tại sao bức chân dung ở Philadelphia này là một phiên bản gọi trong tôi nhiều ý tưởng nhất. Chúng tôi vào thăm ngay những phòng trưng bày các tác phẩm của các danh họa cùng thời với Rembrandt, nhưng chúng tôi không tìm thấy bức tranh tôi yêu thích. Chúng tôi phần nào nản lòng khi được các nhân viên của bảo tàng cho biết đại khái là “bức tranh đã được chuyển đi nơi khác... đang được phục chế... hay đang ở trong nhà kho...”. Thế là tôi đành phải chấp nhận không được ngắm bức tranh ấy, và tự an ủi mình rằng còn có thể chiêm ngắm vô số những kiệt tác quý báu khác của Bảo tàng viện. Nhưng trong tim tôi lại lóe lên một câu nói có phần nào giống như Maria Mađalena vào rạng sáng ngày Phục sinh, và tôi đã muốn nói với các nhân viên của Bảo tàng: “nếu quả thật bức tranh ở trong nhà kho, các vị hãy chỉ cho tôi biết, tôi sẽ đến đó để tìm kiếm nó!”. Vì tôi quá yêu thích bức tranh này, nên tôi đã tưởng nghĩ rằng có thể là bức tranh đã được cất giữ ở một cách đặc biệt, hoặc là ở trung tâm của đại sảnh, hoặc có thể được bảo vệ cẩn thận trong lồng kính an toàn, mà người ta phải xếp hàng chờ đến phiên mình vào ngắm thưởng, bởi chắc chắn rằng sẽ nhiều người từ bốn phương về đây chiêm ngắm bức tranh ấy, cũng giống như bức Gioconda của Leonardo da Vinci tại Louvre, hay bức tượng Sầu Bi của Michelangelo. Và rồi, lúc ngắm tranh trong một phòng khá trống trải, tôi không mấy hứng thú khi lần lượt xem các bức họa miêu tả từ cảnh thiên nhiên đìu hiu cho đến cảnh săn bắn, rồi tôi đi ngang qua bức tranh mà tôi đã háo hức tìm kiếm bấy lâu nay, nhưng tôi lại không nhận ra nó, cho đến khi một người bạn nhắc tôi: “Đây quả là Đức Ki-tô của Rembrandt!!”.



Bức tranh này nằm ở một góc phòng như bao bức tranh khác. Tôi run lên vì sung sướng như thể gặp lại người bạn chí thiết mà tôi đã thất lạc bao năm và tưởng rằng người ấy đã không còn trên thế gian này nữa. Hiếm có bức tranh hay bức i-côn nào đã làm tôi gặp được Đức Ki-tô như tác phẩm này của Rembrandt. Sau đó, sự chiêm ngưỡng đã trở thành lời nguyện cầu, phút chiêm niệm, cuộc đối thoại với Đức Giê-su. Và tôi tự hỏi tại sao, tại sao bức chân dung này lại có thể nói cho tôi cách mãnh liệt về mầu nhiệm của Đức Ki-tô.

Ngắm nhìn bức tranh thật lâu trong thinh lặng, tôi dần dần nhận ra rằng sự thu hút của bức chân dung này không xuất phát từ vẻ đẹp bề mặt, hay từ dáng vẻ của nó, nhưng từ phần nội tại vô hình mà Rembrandt đã diễn tả một cách rất thành công. Đó chính là dung mạo Đức Ki-tô hội tụ và tập trung nơi Thánh Tâm Người trong mối tương quan với Cha. Đồng thời, dung mạo ấy cũng thể hiện sự chú tâm đến người khác, đến người ngồi ở vị trí lý tưởng, bên phải của Người, và Đức Giê-su đã hướng ánh nhìn và cả tai phải hiện rõ trên nền tóc của Người theo chiều này. Đặc biệt khuôn mặt Đức Giê-su được tỏa sáng bởi một chùm ánh quang làm sáng khuôn mặt từ trên cao.

Rembrandt đã thành công khi làm toát lên nơi Đức Giê-su tính liên kết và tính đồng bộ giữa sự chú tâm nội hướng về Cha và sự lưu tâm ngoại hướng về nhân loại, về tất cả chúng ta. Một sự lưu tâm vừa nội hàm vừa ngoại chiếu hội nhập trong sự khiêm nhường của Đức Ki-tô, tình yêu khiêm cung của Đức Ki-tô hướng về Cha và hướng về con người. Đây chính là vẻ đẹp của Đức Ki-tô, vẻ đẹp có sức đánh động và lôi cuốn chúng ta, và làm cho mỗi lần chúng ta gặp Người, chúng ta lại được mặc khải về Cha cũng như về chính con người của chúng ta.

Phải chăng đây cũng là Dung Mạo mà tất cả các môn đệ đã thấy khi gặp Đấng Phục sinh, dung mạo đã hiển hiện trong cuộc đời và nơi trái tim của họ? Phải chăng đây chính là Dung mạo mà thánh nữ Maria Mađalena đã thấy khi Đấng Phục sinh gọi đích danh bà? Phải chăng đây cũng chính là Dung Mạo mà các môn đệ trên đường về Emmau đã từng thấy nhưng không nhận ra Người, và họ chỉ nhận ra Người trong khoảng-khắc-vĩnh-cửu lúc Người bẻ bánh? Phải chăng cũng với Dung Mạo ấy, Đức Giê-su đã hỏi Phê-rô ba lần: “Anh có yêu mến Thầy không”?

Lòng mến Chúa trên hết làm tái sinh chúng ta

“Cuộc gặp gỡ” ngoài mong đợi và đường đột với màu nhiệm của Đức Ki-tô tại Bảo Tàng viện Philadelphia bất chợt diễn ra vào cuối cuộc hành trình dài hai tháng để viếng thăm các đan viện trong Dòng ở Brasil, Chi-lê, Bolivia và tại Mỹ. Một lần nữa, cũng như chuyến viếng thăm Việt Nam vào năm ngoái, và chuyến viếng thăm Etiopia hồi tháng giêng năm nay, tôi đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm đẹp và quý báu qua những cuộc gặp gỡ huynh đệ; tôi hiểu rõ những vấn đề, những khó khăn của các cộng đoàn, và cả sự mỗi một nữa. Bức tranh Rembrandt nhắc nhở tôi rằng ý nghĩa và mục đích, sự hài hòa và tính thống nhất của những kinh nghiệm này không nằm trong lòng bàn tay của tôi, trong sức mạnh của tôi, trong những đánh giá của tôi, cũng không nằm trong tay, trong sức mạnh nỗ lực và sự đánh giá của người khác, mà trong chính màu nhiệm của một Dung Mạo đã từng đến để gặp gỡ cách cá nhân từng người chúng ta với một Trái Tim chan chứa tình yêu thăm sâu của Cha, và lôi kéo tất cả đến cùng Người. Và đây chính là điều đã giải thoát tôi giữa bao nhiêu âu lo, mâu thuẫn, giữa những cảm thức sâu xa về những giới hạn của chính bản thân tôi và của những anh chị em khác.

Điều đã làm tái sinh tôi trong kinh nghiệm này đó chính là canh tân trong nội tâm lòng mến Đức Ki-tô trên hết mọi sự, một chọn lựa ưu tiên vốn là kinh nghiệm khởi thủy của ơn gọi chúng ta và của mọi ơn gọi. Ưu tiên yêu mến Đức Ki-tô mang tính hỗ tương vì con tim của chúng ta quyết định và yêu mến trên hết mọi sự Đấng đã yêu chúng ta trước, và đã ưu tiên chọn chúng ta trước một cách nhưng không. Chúng ta ưng thuận ơn gọi của

chính mình khi chúng ta ưu tiên chọn Đấng đã ưu tiên chọn lựa chúng ta. Chúng ta chấp nhận bỏ tất cả vì Đấng, đã vì chúng ta, bỏ cả “địa vị ngang hàng với Thiên Chúa”, để làm người, chết vì chúng ta và đã sống lại (x. Phil. 2,6-11). Chúng ta bán tất cả để đạt được viên ngọc quý vô giá được trao ban cho chúng ta (x. Mt 13,45-46).

Sự chọn lựa ưu tiên hỗ tương giữa các chủ vị là một sự trao đổi yêu thương, luôn là cốt lõi của mọi ơn gọi. Nhưng theo sự thường, hành trình ơn gọi cũng bao hàm cả sự hao mòn ý chí chọn lựa ưu tiên. Sau cuộc gặp gỡ mang tính quyết định, cuộc sống tiếp diễn ra với những đòi hỏi của nó, với những trách nhiệm và gánh nặng, với những thăng trầm, thử thách, với những hy vọng và thất vọng. Sự chọn lựa ưu tiên, vốn ban đầu rất rõ ràng và dứt khoát, dần dần trở nên kém rành mạch, ít cương quyết và thiếu nhiệt tâm. Chúng ta cảm nghiệm được mình thật mỏng dòn, bất lực để có thể đương đầu với cuộc sống trong niềm tin yêu và sức mạnh cần thiết. Thông thường, dù có cảm nghiệm được điều này, nhưng chúng ta không hiểu rằng cái mà chúng ta phải tìm kiếm trước tiên không phải là sức mạnh, và niềm vui nhưng chính là sự ưu tiên chọn Đức Ki-tô, một sự lựa chọn ưu tiên hỗ tương thúc đẩy chúng ta từng ngày trên hành trình ơn gọi của chúng ta.

Hồng ân chính yếu của Thần Khí

Bài đọc trích sách Công Vụ Tông Đồ trong mùa Phục Sinh giúp tôi nhận ra hiệu quả của biến cố Ngũ Tuần mà trước đây tôi chưa bao giờ nghĩ tới. Khi các tông đồ và các môn đệ rời khỏi Nhà Tiệc Ly, họ đã nhận được những ơn lạ: ơn ngôn ngữ, ơn chữa lành, ơn rao giảng làm hoán cải đám đông dân chúng. Tất cả những điều này ai cũng cảm nhận được, nhất là chính các môn đệ. Thế nhưng, lý do là những ơn này không còn nổi bật trong đời sống của Giáo Hội sau này nữa đã làm chúng ta hiểu rằng hiệu quả quan trọng nhất của biến cố Ngũ Tuần không nằm ở chỗ những ơn này. Một ơn khác, sâu xa hơn và thường tồn, đã được Chúa Thánh Thần thông truyền cho các môn đệ, hồng ân này thể hiện sức sống của Giáo Hội qua mọi thời đại: ơn ưu tiên chọn Đức Ki-tô, đặc sủng không lấy gì làm hơn Đức Ki-tô.

Ưu tiên chọn Đức Ki-tô thật sự là một ân huệ quan trọng của Thần Khí, một hồng ân chúng ta cần có nhất, một hồng ân giúp chúng ta đón nhận tất cả những ân huệ khác trong chân lý và sự sung mãn. Thật vậy, những ân huệ khác của Thần Khí, nếu không được đón nhận vì sự ưu tiên dành cho Đức Ki-tô, sẽ đi lệch khỏi bản chất và mục đích của chúng, thay vì phục vụ cho việc xây dựng Nước Chúa, lại đi phá hoại Nước ấy.

Bởi vì Nước Chúa là sự ưu tiên chọn Đức Ki-tô.

Thật vậy chúng ta thấy rằng các tông đồ, vốn đã rất sợ sệt, chối bỏ Đức Giê-su, đã từng ưu tiên chọn chính bản thân mình hơn là chọn Người, nay nhờ biến cố Ngũ Tuần, lại trở nên hân hoan chịu bách hại vì Danh Đức Giê-su (Cv 5,41-42); trở nên những con người không sợ bất cứ điều gì và bất cứ ai, kể cả tù ngục, áp bức, họ vẫn vâng lời Thiên Chúa hơn vâng lời người phạm, không màng đến của cải hay những ích lợi cho tác vụ của họ. Đối với họ, ưu tiên chọn Đức Ki-tô là tất cả. Tình yêu Đức Ki-tô quý hơn cả mạng sống.

Chúng ta hãy nghĩ tới Simon Phê-rô. Đây là ước ao lớn nhất đang ẩn giấu trong thâm tâm khi ông đón chờ biến cố Ngũ Tuần cùng với Đức Trinh Nữ Maria, với các tông đồ, và các môn đệ khác? Ông đã cầu xin Chúa Thánh Thần điều gì trong khi ông đang chờ đợi Người trong Nhà Tiệc Ly ở Giêrusalem? Ân huệ nào ông mong muốn hơn tất cả?

Tức khắc chúng ta nghĩ tới rằng ngài đã mong đợi sức mạnh để không còn yếu đuối, sự dũng cảm để không còn phải là nạn nhân của sự khiếp sợ, ơn khôn ngoan khôn ngoan và hùng biện để rao giảng Đức Ki-tô cho đám đông... Nhưng chúng ta quên rằng Phê-rô đã từng được Đức Giê-su chất vấn ba lần: “Anh có yêu mến thầy không?”, và, vẫn chưa đủ, “Anh có yêu mến Thầy hơn các anh em này không?” (Ga 21,15-17). Đức Giê-su bày tỏ cho ông biết Người muốn được yêu và được chọn ưu tiên. Và Phê-rô đã đáp lại ba lần một tiếng vang trước câu hỏi khiêm nhường, tha thiết của Con Thiên Chúa. Nhưng Phê-rô biết rằng ông không còn cậy vào chính mình nữa. Ông biết ông không thể bảo đảm rằng ông sẽ không còn chối bỏ thầy mình nữa.

Tôi chắc rằng ngài đã chờ đợi Thần Khí mà Đức Giê-su đã hứa với chỉ một ước mong là có thể đáp lại bằng trọn con tim và trọn đời mình khát vọng được ưu tiên trong tình yêu của Đức Giê-su. Phê-rô đã cầu xin Thần Khí ơn được chọn Đức Giê-su làm phần ưu tiên, và chính Đức Giê-su đã đề nghị ông hãy có ý hướng cầu nguyện chính yếu này, một ý hướng phù hợp với điều mà Thần Khí muốn ban cho chúng ta, và tự trao mình cho chúng ta.

Nếu chúng ta không cầu xin và không đón nhận hồng ân chính yếu này của Đấng Bảo Trợ thì như thế chúng ta đã từ chối đón nhận những hồng ân và ân sủng khác mà Chúa Thánh Thần muốn truyền ban cho chúng ta. Thật vậy, không có đặc sủng nào, không có ơn gọi nào, không có sứ vụ nào, không có thừa tác vụ nào, không có bí tích nào tìm được ý nghĩa và sự sung mãn của mình nếu trong chúng ta thiếu đi sự rộng mở để đón nhận ân sủng thiết yếu hầu có thể yêu mến Đức Ki-tô hơn tất cả mọi sự.

Vì là ân sủng, ân huệ của Thần Khí, nên điều này muốn nói rằng chúng ta luôn luôn có thể trở lại để ưu tiên chọn Đức Ki-tô, dù chúng ta có thường từ chối ân huệ đó cách cá nhân hay cách tập thể, chúng ta luôn luôn có thể đón nhận hồng ân ấy thêm lần nữa, có thể liên lý cầu xin Thần Khí và tin chắc sẽ nhận được hồng ân đó.

Vấn đề nằm ở chỗ là chúng ta thường không cầu xin và không mong chờ ân sủng thiết yếu này của Chúa Thánh Thần. Chúng ta cầu xin Người những điều chúng ta thiếu, cộng đoàn chúng ta cần, nhưng chúng ta quên không cầu xin điều không chỉ chúng ta còn thiếu mà cả Đức Giê-su cũng thiếu: đó là tình yêu của chúng ta được dành ưu tiên cho Người. Đây cũng chính là ân sủng mà Thần Khí, Đấng là Lửa, muốn trao ban cho chúng ta.

Trong mọi hoàn cảnh, và đối diện với mọi vấn nạn, nếu chúng ta không tái khởi hành bằng việc nài xin Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta ơn không lấy gì làm hơn Đức Ki-tô (Tu luật 4,21; 72,11), không có gì quý hơn Đức Ki-tô (Tu luật 5,2), thì sẽ không bao giờ có sự canh tân, đổi mới. Chúng ta sẽ đi vòng quang sự hư vô để rồi cứ phải đối mặt và giải quyết cùng một vấn nạn, không hề có gì là mới mẻ, một sự đổi mới phải đến từ trên cao.

Chỉ một người, chỉ một trái tim chân thành khiêm cung cũng đã đủ để nài xin Thần Khí hồng ân chính yếu là yêu mến Đức Giê-su, cho tất cả mọi người, bởi vì sự canh tân bất chợt diễn xảy cách mãnh liệt không thể kháng lại, như khi Phê-rô rời Nhà Tiệc Ly, làm ông thỏa lòng mong đợi đáp lại khát khao tình yêu của Đức Giê-su. Chiếu bóng của ông cũng đủ để làm nên nhiều phép lạ (Cv 5,15-16), bởi vì trái tim của ông đã đón nhận ánh mặt trời rực nóng của lòng mến Đức Ki-tô trên hết. Ông đã chia sẻ kinh nghiệm của chính

mình cho các tín hữu và mời gọi họ hãy đối diện với những chống đối và bách hại: “Hãy tôn vinh Người làm Chúa ngự trị trong lòng anh em. Hãy luôn luôn sẵn sàng trả lời cho bất cứ ai chất vấn về niềm hy vọng của anh em” (1 Pr 3,15).

Hiệp thông trong tình mến sâu đậm

Khi Phaolo không chút do dự, trực chỉ đi về Gierusalem, nhiều người can ngăn ông không nên thực hiện dự định này bởi vì họ biết rằng tại Gierusalem, Phaolo sẽ bị bách hại. Chính Thần Khí soi sáng cho họ về những điều sẽ xảy đến với Phaolo (x. Cv 21,4.10-11). Nhưng Phaolo đã không đổi ý vì nỗi sợ hãi hợp lý từ các bạn hữu của mình: “nghe vậy, chúng tôi và những người địa phương nài xin ông Phaolo đừng lên Gierusalem. Bấy giờ ông Phaolo trả lời: “có gì mà anh em phải khóc lóc và làm tan nát trái tim tôi? Phần tôi, tôi sẵn sàng không những để cho người người ta trói, mà còn chịu chết tại Gierusalem vì danh Chúa Giê-su”. Không thể thuyết phục được ông, chúng tôi đành thôi và nói: “Xin cho ý Chúa được thể hiện!” (Cv 21,12-14).

Đoạn kinh thánh này soi sáng cho chúng ta về cách thức mà chúng ta phải luôn luôn cầu xin và đón nhận ánh sáng của Chúa Thánh Thần. Thánh Phaolo đã hiểu rằng nếu Thánh Thần cho ngài biết về định mệnh của mình không phải để ngài chạy trốn, mà để sẵn lòng đón nhận nó vì lòng yêu mến Đức Ki-tô. Điều đã hướng dẫn cuộc hành trình của Phaolo không phải là sự bất cần hay sự ngạo mạn, nhưng là ước muốn không lấy gì làm hơn Đức Ki-tô, ngay cả tự do và mạng sống của mình. Chúa Thánh Thần không soi sáng cho chúng ta để phục vụ cho sự sung sướng, thoái mái của chúng ta, nhưng là nâng đỡ chúng ta thực hiện cách tự do và ý thức những chọn lựa vốn có thể giúp cho yêu mến Đức Ki-tô hơn chính bản thân chúng ta, như thánh Biển Đức đã nói vào cuối tu luật: “tuyệt đối không lấy gì làm hơn Đức Ki-tô, nguyện xin Người hướng dẫn tất cả chúng ta đến cuộc sống muôn đời” (72,11-12).

Những người bạn của Phaolo đã đón nhận chứng tá của ngài, thay vì ngăn cản hành trình của ngài, họ đã cùng đồng hành với ngài vì được lôi cuốn bởi chính sự hấp dẫn của tình yêu sâu đậm mà ngài dành cho Đức Giê-su. Cũng như Đức Maria trong ngày Truyền Tin, họ được lôi cuốn bởi chính lòng mến của Phaolo và họ đã thuận theo thánh ý của Chúa: “Xin cho ý Chúa được thể hiện!”.

Đẹp thay một sự đồng hành huynh đệ trong đó lòng yêu mến Chúa trên trên của một người đã hấp dẫn những người khác cùng yêu mến Chúa hơn chính mình! Lòng mến Chúa trên hết này không phải là sức năng động bền bỉ vốn có thể hiệp nhất và hòa giải các cộng đoàn của chúng ta trong tất cả những chọn lựa mà chúng ta phải quyết định trên hành trình ơn gọi của chúng ta hay sao?

Yêu mến không lấy lại

Phê-rô, Phaolo đã lãnh nhận từ Thánh Thần hồng ân yêu mến Đức Giê-su trên hết, lãnh nhận cả sự tự do yêu mến Người mà không cần lấy lại, như chính Người đã yêu mến chúng ta cách nhưng không trong sự tự do thần linh của Người. Nhưng yêu mến không lấy lại có nghĩa là gì?

Trong Phúc âm theo thánh Gioan chương 10, Đức Giê-su thể hiện sự tự do Vượt Qua của Người: “sở dĩ Chúa Cha yêu mến tôi, là vì tôi hy sinh mạng sống mình để rồi lấy lại. Mạng sống của tôi, không ai lấy được, nhưng chính tôi tự ý hy sinh mạng sống mình. Tôi có quyền hy sinh và có quyền lấy lại mạng sống ấy. Đó là mệnh lệnh của Cha tôi mà tôi đã nhận được” (Ga 10,17-18).

Đức Giê-su đã sống sự tự do của Người trong không gian vô tận của việc vâng phục Thánh Ý Cha. Mệnh lệnh của Cha không làm suy giảm tự do của Con, bởi vì Cha muốn và yêu cầu Con sự tự do trao ban và lấy lại mạng sống của mình. Quyền lấy lại nói lên rằng quyền trao ban là tự do thật sự, và tự do hoàn toàn. Đức Giê-su trao ban điều mà Người có thể lấy lại. Nhưng thực ra Đức Giê-su không hề lấy lại sự sống của mình: Người đã đón nhận sự sống từ Cha, từ Cha Đấng cho Người tự do lấy lại sự sống ấy. Chúa Con có thể lấy lại mạng sống của Người bất cứ lúc nào trong cuộc Khổ Nạn của Người, từ vườn Giết-sê-ma-ni cho đến khi trút hơi thở cuối cùng. Đức Giê-su đã trao lại tự do này trong tay của Chúa Cha và trong hành động vâng phục, tín thác, Người đã trao lại cho Cha tự do mang lại cho Con mạng sống khi và như Cha muốn.

Đây chính là sự vâng phục mà lời khẩn đăn tu muốn thể hiện, và chúng ta thường hay lãng quên chiều sâu của nhịp thở Ba Ngôi trong ơn gọi đăn tu của chúng ta, trong các lời khẩn của chúng ta. Thánh Biển Đức ý thức rất sâu sắc về điều này, và chúng ta có thể tìm thấy một cách rõ ràng trong Tu luật lời mời gọi sống tất cả những đòi hỏi của đời sống đăn tu, noi theo sự tự do của Đức Ki-tô, Đấng đã trao mạng sống của mình, từ bỏ quyền lấy lại mạng sống để rồi nhận lại nó từ tay Cha, rồi thăng hoa sự sống ấy gấp trăm lần trong hồng ân và niềm vui phục sinh. Sau khi tuyên khấn với tất cả tự do và suy nghĩ chín chắn, đăn sĩ không thể từ bỏ đăn viện và những đòi hỏi của Tu luật (Tu luật 58,15-16); không trông mong được danh vọng và lợi lộc từ chính tài năng và công việc của mình (Tu luật 57), từ đẳng cấp xã hội của mình (2,16-22), hay từ chức vụ linh mục (62,2-4). Thánh Biển Đức tóm tắt thái độ này khi ngài nói về sự thanh bần: “mọi nhu cầu, hãy mong chờ nơi gia trưởng, không bao giờ đăn sĩ được có của gì mà không do viện phụ phân phát hay cho phép” (33,5).

Nhiều lần chúng ta thay đổi bản chất của sự dẫn thân đăn tu, đòi lại và lấy lại tình yêu và dành tình yêu ấy cho riêng bản thân chúng ta. Chúng ta không hy vọng, không mong chờ hồng ân đến từ Cha.

Thật vậy, niềm hy vọng và chờ đợi này chính là tột đỉnh của lời loan báo Phục Sinh, và là sự hoàn thành Sự Sống thật của chúng ta trong Đức Ki-tô. Khi Đức Giê-su nói với Maria Mađalena: “đừng giữ thầy lại”, Người cho biết ngay lý do sâu xa của lời đề nghị: “bởi thầy chưa lên cùng Chúa Cha. Nhưng hãy đi gặp anh em của Thầy và bảo họ: “Thầy lên cùng Cha của Thầy, cũng là Cha của anh em, lên cùng Thiên Chúa của Thầy, cũng là Thiên Chúa của anh em” (Gn 20,17).

Đức Giê-su không muốn rằng tình yêu của chúng ta dành Người lại bị rút lại về tay chúng ta, chúng ta dần dần lấy lại tất cả khi chúng ta vươn dài cánh tay của mình ra để thu tóm mọi sự trong khả năng của chúng ta, trong cảm giác của chúng ta, trong những tham vọng của chúng ta. Thực vậy, chúng ta được tạo dựng và được cứu chuộc: chúng ta được dựng nên cho một trở lại với Tình yêu xuất phát từ Trái Tim của Chúa Cha, từ tình yêu

giữa Cha và Con: Chúa Thánh Thần. Và sự trở về với tình yêu Ba Ngôi quả là lớn lao bởi chính chính ta phải tự đón nhận: “hãy đi gặp anh em của Thầy và bảo họ... Cha của anh em... Chúa của anh em”. Hồng ân này của Cha dành cho mọi người là hoa trái của tình mến nhưng không của Ba Ngôi. Bởi vì Cha và Con đã “không giữ lại gì cho mình” - cho đến mức hy sinh trên Thập giá- đã trao ban chính mình cho chúng ta, và chúng ta có thể chiếm hữu Người trong sự sung mãn vượt quá mọi thứ “lấy lại”, hay những ích lợi mà chúng ta có thể khao khát và gặt hái cho riêng mình, như A-đam và Eva xưa đã từng hái trái cấm.

Tự do và vâng phục

«Bà Maria Madalena đi báo cho các môn đệ: “tôi đã thấy Chúa!”, và bà kể lại những điều Người đã nói với bà” (Ga 20,18).

Nếu bà Maria Madalena đã đón nhận ngay sự tự do chống lại với khuynh hướng chiếm hữu để rồi nắm giữ và vật hóa lòng mến của mình, nếu bà khởi hành ngay, không cần nhiều lời giải thích, để chu toàn sứ vụ loan báo tin vui về sự Phục Sinh và sự hiển trị của Đức Giê-su bên hữu Chúa Cha, Đấng là Cha của chúng ta và là Thiên Chúa của chúng ta, là bởi vì bà đã thấy Chúa và đã lắng nghe Người: “tôi đã thấy Chúa, và đây là những lời Người đã nói với tôi”.

Sự tự do của chúng ta sẽ không bao giờ được hoạt hóa hay trở thành sứ vụ nếu Dung Mạo và Lời của Đấng Phục Sinh không trở nên kho tàng của trái tim chúng ta, một kho tàng mà chúng ta không cần phải níu giữ bởi chúng ta chắc chắn rằng Cha luôn ban tặng cho chúng ta. Đây chính là bí mật của sự vâng lời tự do và sung mãn. Lời loan tin của bà Maria Madalena, sứ vụ rao tin cho các môn đệ là một hành động vâng phục Đức Ki-tô hằng sống. Bà đã chiêm ngắm, lắng nghe Người để rồi có thể loan báo về Người trong sự chia cách, trong sự vâng phục. Sự vâng phục của chúng ta là sự tôn vinh trọn vẹn giá trị sự tự do của chúng ta nếu trái tim chúng ta sống tự do và hướng sự tự do ấy về nguồn mạch đích thực của nó: yêu mến trên hết một Đức Ki-tô sống động và hiện diện, Đấng chúng ta chiêm ngắm và lắng nghe với tất cả tình yêu.

Đây cũng là điều thánh Biển Đức diễn tả ngay những dòng đầu tiên trong chương nói về sự vâng phục: “vâng phục không chậm trễ là bước đầu tiên của đức khiêm tốn. Đó là nhân đức của những người không quý chuộng gì hơn Chúa Ki-tô” (Tu luật 5,1-2). Trong hai câu này, thánh phụ đã diễn tả bí mật và bản chất sự tự do mới mẻ của Ki-tô hữu, một sự tự do trào vọt từ tình yêu ưu tiên dành cho Đức Ki-tô. Chúng ta thật sự tự do nếu kho tàng của chúng ta, viên ngọc của chúng ta là Đức Ki-tô. Chúng ta chỉ tự do nếu chúng ta cầu xin và lãnh nhận Thần Khí, Đấng ban cho chúng ta lòng yêu mến Đức Ki-tô trên hết mọi sự.

Sự hiện diện của Chúa, Đấng đang đối thoại với chúng, là chính sự giải thoát của chúng ta, sự giải thoát toàn diện nhân vị chúng ta, sự giải thoát làm cho chúng ta trở nên con cái Thiên Chúa. Thường thì chúng ta chỉ cầu xin Đức Ki-tô một sự giải thoát phiến diện, một sự giải thoát khỏi cái quấy rầy chúng ta, khỏi điều chúng ta không thích, hay làm cho chúng ta đau khổ, một sự giải thoát mà những người khác hay những phương tiện khác có thể đem lại cho chúng ta. Chúng ta đã muốn một sự tự do, mà thực chất chỉ làm cho chúng ta co rút lại trong chính bản thân mình, thay vì để cho Đức Ki-tô nắm giữ và cùng

đồng hành với chúng ta hướng về Chúa Cha, Cha của Người, cũng là Cha của chúng ta. Đức Ki-tô muốn giải thoát chúng ta cách toàn diện, cách triệt để, giải phóng chính hữu thể chúng ta hơn là thân phận bất tất của chúng ta. Sự tự do mà Đức Ki-tô phục sinh ban cho chúng ta là sự tự do của con tim cho phép chúng ta sống tự do ngay cả giữa những áp bức. Như Phaolo và Sila, dù bị đánh đập và bị giam cầm, nhưng vẫn ca ngợi, tung hô Thiên Chúa (Cv 16,22-25).

Tự do mà Thần Khí ban cho chúng ta là tự do yêu mến Đức Ki-tô, yêu mến Chúa Cha, và không quay lại với bất cứ tình yêu nào nếu không phải là tình yêu của Cha đã yêu chúng ta trong Con của Người qua Thần Khí.

Càng biết nhiều về Dòng, về các cộng đoàn của chúng ta, về tất cả các nam nữ đan sĩ, tôi càng yêu mến và ước mong yêu mến tất cả mọi người, và tôi không khẩn xin Chúa Thánh Thần điều gì cho tất cả chúng ta ngoài ơn biết yêu mến Đức Giê-su trên hết mọi sự. Chúng ta cùng hiệp nhất với nhau trong lời cầu nguyện này?

A handwritten signature in black ink, reading "Mauro-Giuseppe Lepori". The signature is fluid and cursive, with the first name "Mauro" and the last name "Lepori" clearly legible.

Fr. Mauro-Giuseppe Lepori
Tổng Phụ Dòng Xi-tô

Roma, Lễ Hiện Xuống 2012